

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2025/DS-ST**

Ngày 29-8-2025

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Phạm Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thái Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2025/TLST-DS ngày 19/5/2025, về về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N2

Địa chỉ trụ sở: A T, phường L, quận H, Hà Nội. (Nay là phường H, thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thành V, Giám đốc Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh Đ.

Giấy ủy quyền số: 1541/UQ-VCB-PC ngày 01/10/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N2.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Phạm Minh T1, sinh năm 2001. Chức vụ: Cán bộ khách hàng bán lẻ. (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982. Chức vụ: Phó trưởng phòng Khách hàng bán lẻ. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số E, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

-Bị đơn: Ông Hoàng Nam N1, sinh năm 1992 và bà Đỗ Thị Thùy L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ A, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Nay là ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai) (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2 là ông Phạm Minh T1 trình bày:**

Ông HOÀNG N NHỰTBà ĐỖ THỊ THUYỀN LINH(sau đây viết tắt là “Khách hàng”) có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần N2 – Chi nhánh Đ (sau đây viết tắt là: “Ngân hàng”) ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng từng lần số **20230384/HDTD/KHBL** ngày 21/09/2023 với nội dung sau:

Số tiền cho vay	470.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu đồng)
Mục đích vay	Phục vụ nhu cầu đời sống: Mua ô tô tiêu dùng cho Khách hàng
Thời hạn cho vay	84 tháng (7 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay
Lãi suất cho vay trong hạn	- Áp dụng lãi suất 8%/ năm và cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân. - Sau đó lãi suất = LS huy động 12 tháng trả lãi sau của VCB + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của VCB tại thời điểm đó - Kỳ điều chỉnh lãi suất sau thời gian hưởng lãi suất cố định: Được Bên cho vay điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. - Trường hợp khoản vay chuyển nợ không đủ tiêu chuẩn (phân loại nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5): áp dụng mức lãi suất sau thời gian ưu đãi bằng lãi suất huy động VND 24 tháng trả lãi sau của VCB cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của cùng sản phẩm theo thông báo của VCB tại thời điểm đó kể từ thời điểm phát sinh nợ không đủ tiêu chuẩn. - Trường hợp khoản vay chuyển lại nợ nhóm 1 (sau khi bị phân loại nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5): Khách hàng sẽ không được hưởng mức ưu đãi lãi suất trở lại.
Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn	150 % lãi suất trong hạn
Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả	0 %
Phí trả trước hạn	- Nếu trả nợ trước hạn trong năm đầu tiên đến năm thứ

	3 của khoản vay: $2\% \times$ số tiền trả nợ trước hạn; - Từ năm thứ 4 kể đến hết năm thứ 5 từ ngày giải ngân đầu tiên, phí trả nợ trước hạn bằng (=) $1\% \times$ số tiền trả nợ trước hạn nhưng không thấp hơn 100.000 đồng/lần trả nợ trước hạn; Bên vay không phải trả phí trong trường hợp Bên cho vay chủ động thu nợ trước hạn và được Bên vay chấp thuận hoặc Bên cho vay yêu cầu trả nợ trước hạn. Phí khác: Theo quy định của VCB
Thời hạn rút vốn	03 tháng kể từ ngày ký HĐTD
Thời gian ân hạn	00 tháng kể từ ngày giải ngân
Tài sản bảo đảm	Thế chấp tài sản là Xe ô tô hình thành từ vốn vay - Xe ô tô con HONDA HR-V mới 100% theo hợp đồng thế chấp số 20230261/HDBĐ/KHBL ngày 21/09/2023
Phương thức trả nợ	- Trả nợ tính theo dư nợ giảm dần - Chu kỳ trả nợ gốc, lãi: vào ngày 26 hàng tháng - Trả gốc kỳ cuối vào ngày đáo hạn khoản vay.

→ Theo hợp đồng tín dụng này, khách hàng đã rút toàn bộ vốn vay.

Về tài sản đảm bảo:

Các khoản vay của khách hàng được bảo đảm bằng các tài sản sau:

TT	Tài sản	Chủ tài sản	Hợp đồng thế chấp	Ngày đăng ký giao dịch bảo đảm	Hồ sơ tài sản
1	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là Xe ô tô con HONDA HR-V mới 100%	Ông Hoàng Nam Nhựt và Bà Đỗ Thị Thùy Linh	20230261/HDBĐ/KHBL ngày 21/09/2023	21/09/2023	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 003885 do Phòng CSGT – Công an Đồng Nai cấp ngày 17/09/2023

1. Quá trình trả nợ của Khách hàng tại Ngân hàng:

Từ ngày 28/10/2024, khách hàng không thanh toán đủ tiền gốc và lãi đến hạn cho ngân hàng. Tính đến hết ngày 29/04/2025, tổng nợ và các nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng tín dụng trên mà khách hàng phải thanh toán cho ngân hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

Số hợp đồng tín dụng	20230384/HDTD/KHBL ngày 21/09/2023	Thẻ tín dụng số 4129 7688 5941 9087	Thẻ tín dụng số 4129 7688 9115 6192	Tổng cộng nợ vay và nợ thẻ tín dụng
-----------------------------	--	--	--	--

Dư nợ gốc	394,088,492	24,997,000	24,996,000	444,081,492
Nợ lãi	21,741,691	2,572,954	2,627,371	26,942,016
Phí phạt nợ gốc quá hạn	307,726	1,705,930	1,720,330	3,733,986
Phí thường niên		400,000	400,000	800,000
TỔNG CỘNG	416,137,909	29,675,884	29,743,701	475,557,494

Trong thời gian từ thời điểm nộp đơn khởi kiện từ ngày **29/04/2025** đến ngày **29/08/2025**, khách hàng không trả thêm nợ gốc cho Ngân hàng.

Chi tiết các khoản gốc còn lại và lãi vay phát sinh đến ngày **29/08/2025** chi tiết như sau:

Số hợp đồng tín dụng	20230384/HDTD/KHBL ngày 21/09/2023	Thẻ tín dụng số 4129 7688 5941 9087	Thẻ tín dụng số 4129 7688 9115 6192	Tổng cộng nợ vay và nợ thẻ tín dụng
Dư nợ gốc	394,088,492	24,997,000	24,996,000	444,081,492
Nợ lãi	34,092,317	3,993,318	4,047,679	42,133,314
Phí phạt nợ gốc quá hạn	923,506	4,340,522	3,061,082	8,325,110
Phí thường niên		400,000		400,000
TỔNG CỘNG	429,104,315	33,730,840	32,104,761	494,939,916

Quá trình thu hồi nợ: Trong thời gian qua, khi các khoản nợ quá hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, làm việc, yêu cầu khách hàng trả nợ theo đúng thỏa thuận với Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán dứt điểm các khoản nợ quá hạn và được biết Ông Bà hiện không có ở nơi cư trú.

Với những nội dung và lý do đã trình bày nêu trên, Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện tại Tòa Án Nhân Dân Khu Vực 3, Tỉnh Đồng Nai với yêu cầu Tòa án buộc:

Ông Hoàng Nam N1 và Bà Đỗ Thị Thùy L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N2 với tổng số tiền tính đến hết ngày 29/08/2025 là **494,939,916 đồng** (trong đó dư nợ gốc là 444,081,492 đồng, lãi, phí phạt và phí thường niên là 50,858,424 đồng).

Để đảm bảo thanh toán nợ vay trong trường hợp khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi các tài sản bảo thuộc quyền sử dụng/sở hữu của Khách hàng đang

được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 20230261/HDBĐ/KHBL ngày 21/09/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP N2 chi tiết như sau:

- Phương Tiện Giao Thông Đường Bộ thuộc sở hữu của ông Hoàng Nam N1 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 003885 do Phòng CSGT – Công an Đ1 cấp ngày 17/09/2023 được mô tả bao gồm nhưng không giới hạn các chi tiết như sau nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tôi:

- + Nhãn hiệu: Xe ô tô con HONDA HR-V mới 100%

- + Tên chủ xe: **HOÀNG NAM NHỰT**

- + Biển số đăng ký: 60K – 304.74

- + Số máy: L15ZB1304340

- + Số khung: MRHRV3860PT081460

- + Màu sơn: Trắng

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của **Ông Hoàng Nam N1 và Bà Đỗ Thị Thùy L** đối với Ngân hàng TMCP N2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì **Ông Hoàng Nam N1 và Bà Đỗ Thị Thùy L** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N2.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định luật.

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L vắng mặt không có ý kiến trình bày.***

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nên việc Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn để giải quyết vụ án là phù hợp.

Về nội dung tranh chấp: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn và buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc

và lãi theo hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng TMCP N2 và Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L đã ký kết. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định Ngân hàng TMCP N2 là nguyên đơn, Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L là bị đơn. Quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L có địa chỉ: Tổ A, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 1 điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

1.3. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai lần diễn ra phiên tòa và phiên họp trước đó, Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L đều vắng mặt không thông báo lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP N2 và bị đơn ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 20230384/HDTD/KHBL ngày 21/9/2023, để vay số tiền 420.000.000 đồng; Theo đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng ngày 26/12/2023, ông N1 và bà L vay số tiền 24,996,000 đồng (Thẻ tín dụng số 4129 7688 9115 6192) và vay số tiền 24,997,000 đồng (Thẻ tín dụng số 4129 7688 5941 9087); Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì: Các khế ước nhận nợ nêu trên đã đến ngày đáo hạn nhưng ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nên đã bị chuyển nợ quá hạn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 20230384/HDTD/KHBL ngày 21/9/2023, để vay số tiền 420.000.000 đồng; Theo đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng ngày 26/12/2023, ông N1 và bà L vay số tiền 24,996,000 đồng (Thẻ tín dụng số 4129 7688 9115 6192) và vay số tiền 24,997,000 đồng (Thẻ tín dụng số 4129 7688 5941 9087). Do ông N1 và bà L đã đồng ý với các điều khoản trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng vi phạm thỏa thuận về việc trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N2 là có căn cứ. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L có nghĩa vụ thanh toán tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/08/2025 là **494,939,916 đồng** (trong đó dự nợ gốc là 444,081,492 đồng, lãi, phí phạt và phí thường niên là 50,858,424 đồng) cho Ngân hàng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân

hàng TMCP N2 số tiền nợ gốc và nợ lãi này, phần nghĩa vụ liên đới của ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L là bằng nhau.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi phát sinh: Ngoài khoản tiền lãi nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 29/8/2025 đến khi thanh toán xong số nợ gốc theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Yêu cầu này của Ngân hàng P với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có hiệu lực tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay:

[4.1] Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng, Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L đã ký hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 20230261/HDBĐ/KHBL ngày 21/9/2023 để thực hiện bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả khoản vay nêu trên. Chi tiết về tài sản thế chấp: nhãn hiệu Xe ô tô con HONDA HR-V mới 100%, Tên chủ xe: HOÀNG NAM NHỰT; Biển số đăng ký: 60K – 304.74; Số máy: L15ZB1304340; Số khung: MRHRV3860PT081460; Màu sơn: Trắng theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 003885 do Phòng CSGT – Công an Đ1 cấp ngày 17/09/2023.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 20230261/HDBĐ/KHBL ngày 21/9/2023 giữa Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L với Ngân hàng TMCP N2 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, không bị lừa dối; nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh; trình tự, thủ tục thế chấp đúng quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên ký kết Hợp đồng thế chấp) nên Hợp đồng thế chấp này phát sinh hiệu lực. Vì vậy, nếu Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP N2 được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là: 3.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP N2 đã nộp đủ. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải thanh toán lại toàn bộ chi phí tố tụng trên cho Ngân hàng TMCP N2.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 209; khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Căn cứ khoản 2, Điều 3; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự;

Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L.

1.1. Buộc Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N2 tổng số tiền là 494,939,916 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm mười sáu đồng) ; trong đó dư nợ gốc là 444,081,492 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng), lãi, phí phạt và phí thường niên là 50,858,424 đồng (Năm mươi triệu tám trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Đối với số tiền nợ gốc, kể từ ngày 30/8/2025, nếu Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L chậm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N2 thì Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 20230384/HDTD/KHBL ngày 21/9/2023.

1.2. Trường hợp Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20230384/HDTD/KHBL ngày 21/9/2023 mà hai bên đã ký kết thì Ngân hàng TMCP N2 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 20230261/HDBĐ/KHBL ngày 21/9/2023 để thực hiện bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả khoản vay nêu trên. Chi tiết về tài sản thế chấp: nhãn hiệu Xe ô tô con HONDA HR-V mới 100%, Tên chủ xe: HOÀNG NAM NHỰT; Biển số đăng ký: 60K – 304.74; Số máy: L15ZB1304340; Số khung: MRHRV3860PT081460; Màu sơn: Trắng theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 60 003885 do Phòng CSGT – Công an Đ1 cấp ngày 17/09/2023.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L đối với Ngân hàng TMCP N2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21,763,260 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền 11.512.000đ (mười một năm trăm mười hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001197 ngày 12/5/2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L phải trả cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Nam N1 và bà Đỗ Thị Thùy L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 3- Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự KV3-Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh

